UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 503[a] /QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 15 tháng 2 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ xác nhận tình hình thực hiện của các nhiệm vụ được chuyển nguồn năm sau của KBNN tỉnh Quảng Bình ngày 14/02/2019.

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban lãnh đạo Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
-Trang TTDT
- Lưu :VT, KHTC (10b).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Biểu số 2-ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Chương: 424

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 503a /QĐ-SLĐTBXH ngày 15 / 2 /2019 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nôi dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**		
1	*Số thu phí, lệ phí*		
2	*Chi từ nguồn thu phí được để lại*		
3	*Số phí, lệ phí nộp NSNN*		
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**400.000**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**400.000**	
1.1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*		
1.2	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*	*400.000*	*(KP xd thang máy)*
2	**Chi đảm bảo xã hội**		
2.1	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*		
2.2	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**		
..11	***Chi chương trình mục tiêu***		
11.1	*Dự án tăng cường an toàn vệ sinh lao động năm 2019*		
11.2	*Thu thập thị trường lao động*		
11.3	*Đưa người lao động đi làm việc thời vụ ở Hàn Quốc*		
11.4	*Kiểm tra giám sát về lao động việc làm*		
11.5	*Truyền thông về giảm nghèo*		
11.6	*Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình GN*		